

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI 4 - 5 TUỔI

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
I. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1. Phát triển vận động				
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>				
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào - thở ra; Gà gáy; Thổi nơ... - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Đưa ra trước, gập khuỷu tay (HDTHCT) + Đưa hai tay ra trước, về phía sau (HDTHCT) + Đánh xoay tròn hai vai (HDTHCT) - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> +Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. +Quay sang trái, sang phải. +Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau (HDTHCT) + Ngồi quay người sang hai bên (HDTHCT) - Chân: <ul style="list-style-type: none"> +Nhún chân. +Ngồi xõm, đứng lên, bật tại chỗ. +Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối + Đứng, một chân đưa lên trước, khuỷu gối (HDTHCT) 	1->9	

		<ul style="list-style-type: none"> + Đứng, nhún chân, khuyu gối (HDTHCT) + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng (HDTHCT) + Bật lên trước, ra sau, sang bên (HDTHCT) 		
<i>b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</i>				
2	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi . 	1, 2, 5, 6, 7	
3	<p>Trẻ biết kiểm soát được VĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang 	3, 4, 8, 9	
4	<p>Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m) - Tung bóng lên cao và bắt - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân - Ném trúng đích bằng 1 tay (đích đứng) - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tung bóng lên cao và bắt 	2, 3, 4, 6, 8, 9	
5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện BTTH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Nhảy qua dây 25 - 30cm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m . - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng , ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng . - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 	1 -> 9	

		<ul style="list-style-type: none"> 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m. - Ném trúng đích bằng 1 tay (đích ngang) - Nhảy qua dây 25 - 30cm 		
<i>c, Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt</i>				
6	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay. - Đan nong một, tết 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy. - Đan nong một, tết 	1, 5, 9	
7	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây, quả, hoa,... - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tô, vẽ hình. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. 	3, 5, 6	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
<i>a) Trẻ biết 1 số món ăn, TP thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>				
8	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá ... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều VTM 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). 	2	
	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn của địa phương (1 số món ăn của dân tộc Thái, Tày, Nùng ...) 	2	
	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì...). 	2	
<i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>				
9	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được 1 số việc khi được nhắc nhở: 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà 	2, 4	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn 	<ul style="list-style-type: none"> phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 		
	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn 	1	
<i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>				
10	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt và giữ gìn sức khỏe 	1,2	
11	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết 	1, 3	
<i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>				
	Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, nguồn lửa, nguồn điện.... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm. - Nhận biết được về nguồn lửa (bếp ga, bếp củi, bật lửa...) nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (điện thoại, ti vi...) - Nhận biết các tín hiệu (còi báo động), phương tiện chữa cháy (binh chữa cháy, thùng đựng nước, chăn chữa cháy...) và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy. 	3, 4	
12	Trẻ nhận ra những nơi như: Bể chứa nước, hòn non bộ, ao sen, ổ điện, quạt điện, mương nước, nguồn lửa, nguồn điện ... là nơi	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt (bếp ga, bếp 	4, 8	

	nguy hiểm tại trường và lớp học mầm non..., không được chơi gần.	củi, bật lửa...) và một số sự cố có thể gây cháy, nổ (chập điện)		
	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	1	
	Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	3	
13	- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống. - Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn. - Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn.	- Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc.	6, 8	
II. Phát triển nhận thức				
1. Khám phá khoa học				
<i>a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>				
	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây	5,6,8	

	<p>quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn ? ...</p>	<p>cối với môi trường sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. 		
14	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Các nguồn nước trong môi trường sống (sông, suối, khe...). - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây 	1, 2, 3, 5,6,7,8	
	<p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh nhận xét và trò chuyện..</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm 	8	
15	<p>Bước đầu trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. 	8	
16	<p>Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. (đồ dùng gia đình người Thái, Tày, Nùng...) - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách 	1, 3, 5, 6	

		sử dụng của đđdc quen thuộc.		
<i>b) Trẻ nhận biết MQH đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>				
17	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ở Điện Biên (mưa đá, động đất, lốc, hạn hán...).	8	
	Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	7	
<i>c) Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>				
18	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi	1, 3 5, 6	
19	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình...	3, 4, 5	
20	Trẻ làm quen với máy tính, chơi được 1 số trò chơi trong phần mềm Kismart	- Khám phá 1 số trò chơi trong phần mềm Kismart.	1 -> 9	
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
<i>a) Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>				
21	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?”.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm đến 10 bằng tiếng Anh	1, 2, 4, 5, 6, 7, 9	
	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Trẻ có thể đếm đến 10 bằng tiếng Anh			
	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, STT	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.		

22	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	1, 3, 4, 5	
	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn..		
23	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe, tên đội...).	3, 7	
<i>b) Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>				
24	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	6	
<i>c) Trẻ biết so sánh hai đối tượng</i>				
25	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	4, 8	
<i>d) Trẻ biết nhận biết hình dạng</i>				
26	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và CN)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	2	
	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7	
<i>e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i>				
27	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2, 9	
28	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8	
3. Khám phá xã hội				
<i>a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>				
29	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2	
	Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong GD khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Địa chỉ gia đình. Một số nhu cầu của gia đình (gia đình dân	3	
	Trẻ nói được địa chỉ của GD			

	mình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện.	tộc Thái, 1 số trang phục người dân tộc Thái, Tày...)		
30	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1, 2	
	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường trong khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên (các bạn dân tộc Thái, Tày, Nùng) và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.		
	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
<i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>				
31	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của Điện Biên: Đan lát, dệt thổ cẩm...sản phẩm của nghề nông: Gạo tám thơm, sến cù, nếp cẩm ...	4	
<i>c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>				
32	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội: Tết Trung thu; ngày 20/10; Tết Nguyên Đán; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ...	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, Đền Hoàng Công Chất...	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9	
	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở Điện Biên: Đồi A1,, Hàm Đờ cát ...			
III. Phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
33	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	4	
	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	5, 6	

	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	7, 8	
34	Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về 1 số quyền của trẻ em; về bình đẳng giới.	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	2, 3	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	6, 7	
35	- Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày - Trẻ được làm quen với Tiếng anh	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? - Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc	7	
	Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Làm quen với tiếng Anh	8	
36	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	9	
37	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9	
38	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe dưới sự gợi ý của cô giáo	8, 9	
	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Đóng kịch.	7	
39	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 2	
40	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4	
3. Làm quen với việc đọc – viết				
41	Trẻ biết chọn sách để xem.	- Đọc” truyện qua các tranh vẽ	1 -> 9	
	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.		
	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.	- Giữ gìn, bảo vệ sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc		

	“đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẽ”).	của sách. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Hoạt động phòng thư viện		
42	Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm ...	- Nhận dạng một số chữ cái - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	3, 7	
43	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng ...	(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Tập tô, tập đồ các nét chữ	7	
44	Trẻ nhận dạng và làm quen 10 - 15 chữ trong bảng chữ cái TV	- Nhận biết 10 - 15 chữ cái.	1 - 5	

IV. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức bản thân

45	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, mẹ.	2, 3	
	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2	

2. Thể hiện sự tự tin tự lực

46	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	4, 6	
	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	1, 2	

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

47	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2, 8	
	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình	4	
48	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	9	
	Trẻ thể hiện tình cảm đối với	- Kính yêu Bác Hồ.		

	Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
49	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1; Hàm Đờ cát...	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của Điện Biên: Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất...	7, 9	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
50	Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và GD: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3, 7	
51	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	4	
52	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự	7, 9	
53	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	6, 9	
54	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	5	
5. Quan tâm đến môi trường				
55	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối, bảo vệ rừng...	5, 6	
	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. (không nuôi gia súc, gia cầm ở gần sàn).	2, 5	
56	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- Không bẻ cành, bứt hoa	6, 9	
57	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay. Biết tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	3, 8	
V. Phát triển thẩm mỹ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT				
58	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và	1, 3, 4	

	hiện tượng.	tác phẩm nghệ thuật (đệt thỏ cảm...)		
	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		8, 9	
	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm TH.		5, 6	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình				
59	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca của địa phương) - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.		
60	Trẻ biết VĐ nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (VTTN, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, Tày, Nùng... nhảy sạp. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: đá, ống tre, ống nứa....	1 -> 9	
61	Trẻ làm quen với đàn oocgan và đánh được 1 số nốt nhạc theo yêu cầu của cô giáo.	- Nhận ra và đánh được các nốt nhạc (7 nốt)	1 -> 9	
62	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các SP	4	
63	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, hình dáng/ đường nét.	1, 2, 3, 4, 6, 7, 9	
64	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm		2, 3, 4, 5, 6, 7,	

	có màu sắc, bố cục.		8, 9	
65	Trẻ biết làm lổm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1, 6	
66	Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		1, 5	
67	Trẻ biết nhận xét các SPTH về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	9	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật				
68	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	8	
	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát bằng đồ vật sẵn có ở địa phương: Đá, ống tre, ống nứa ...	5, 7	
69	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	5, 9	
70	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	6	

BAN GIÁM HIỆU
(Duyệt)

Thanh Yên, ngày 23 tháng 8 năm 2024
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Hương Giang

Lò Thị Duyên

